

Số: 696/QĐ-UBND

Mường Lay, ngày 13 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025, cho các cơ quan, đơn vị thuộc phường Mường Lay sau sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh, giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 13/10/2025 của HĐND phường Mường Lay về giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025, cho các cơ quan, đơn vị thuộc phường Mường Lay sau sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Mường Lay,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025, cho các cơ quan, đơn vị thuộc phường Mường Lay sau sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi, chủ động bố trí ngân sách của đơn vị mình để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội theo quy định hiện hành.

2. Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực X, phòng Giao dịch số 1 và các đơn vị có liên quan rà soát chi tiết số kinh phí đã chi của các xã, phường cũ (Phường Na Lay, Phường Sông Đà, xã Lay Nua và xã Sá Tổng) từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025; số kinh phí đã chi của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thị xã Mường Lay cũ từ ngày 12/6/2025 đến ngày 30/6/2025 (sau quyết toán NS huyện); số kinh phí đã chi của 04 trường học Sá Tổng từ ngày 01/6/2025 đến ngày 30/6/2025 và số kinh phí đã chi ngân sách huyện Mường Chà cũ chuyển về. Toàn bộ số kinh phí đã chi trên được quyết toán tại phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Mường Lay.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường; Trưởng phòng Giao dịch số 01 - KBNN Khu vực X và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên;
- TT. Đảng ủy phường;
- TT. HĐND phường;
- Đảng ủy UBND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Lưu: VT, CVKT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đạt Long

**BIỂU CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

Đơn vị: Trường MN số 1 Sá Tổng phường Mường Lay

ĐVT: Đồng

STT	Chi Tiêu	Số tháng	Hệ số lương	Mức lương cơ bản	Dự toán 6 tháng cuối năm 2025	
					Số kiểm tra	Số Thảo luận
	Tổng số				4.151.720.553	3.965.000.000
I	Kinh phí thực hiện tự chủ				3.695.181.614	3.527.000.000
1	Lương và các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp (giao 30 biên chế)				3.041.756.888	3.042.000.000
-	Lương chính	6	88,44	2.340.000	1.241.697.600	1.242.000.000
-	Các khoản phụ cấp				1.505.107.656	1.505.000.000
	Phụ cấp chức vụ	6	1,2	2.340.000	16.848.000	
	Phụ cấp TNVK	6		2.340.000	-	
	Phụ cấp khu vực	6	15	2.340.000	210.600.000	
	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	6	8,0714	2.340.000	113.322.456	
	Phụ cấp ưu đãi 50%	6	60,186	2.340.000	845.011.440	
	Phụ cấp thu hút	6	4,844	2.340.000	68.009.760	
	Phụ cấp công tác lâu năm	6	16,9	2.340.000	237.276.000	
	Phụ cấp đoàn đội, PC kế toán	6	0,1	2.340.000	1.404.000	
	PC trách nhiệm	6	0,9	2.340.000	12.636.000	
-	Các khoản đóng góp				294.951.632	295.000.000
	BHXXH 17,5%; BHYT 3%; BHTN 1%	6			294.951.632	
2	Chi thường xuyên 14%				378.314.726	209.600.000
	Tiết kiệm chi lương				37.831.473	
3	Các khoản chi thường xuyên khác				41.400.000	41.400.000
	Lương hợp đồng 02 người	6	2	3.450.000	41.400.000	41.400.000
4	Tiền thưởng theo ND 73				233.710.000	234.000.000
II	Kinh phí không thực hiện tự chủ				456.538.939	438.000.000
	Hỗ trợ ăn trưa				159.922.000	160.000.000
	Hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép				49.500.000	50.000.000
	Hỗ trợ chi phí học tập 4 tháng cuối năm				157.580.000	158.000.000
	Cấp bù học phí				21.563.500	22.000.000
	Hỗ trợ nấu ăn				48.000.000	48.000.000
	Chế độ bán trú theo ND 116/2016, ND 66/2025					
	Hỗ trợ HS khuyết tật					
	Hỗ trợ giáo viên dạy học sinh khuyết tật					
	Tiền mua sắm thiết bị				19.973.439	